

Thứ sáu, ngày 13 tháng 3 năm 2020

Vietnam Daily Review

Cầu bắt đáy xuất hiện

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/3/2020	•		
Tuần 16/3-20/3/2020	•		
Tháng 3/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, tâm lý tiêu cực của nhà đầu tư trước sự sụt giảm đồng loạt của các chỉ số chính trên thế giới được thể hiện rõ khi hàng loạt các mã cổ phiếu trụ cột như VIC, VCB, VHM, BID, GAS giảm mạnh. Tuy nhiên, ngay từ những phút đầu phiên chiều, lực cầu bắt đáy dâng cao đã giúp chỉ số nhanh chóng thu hẹp đà giảm. Mặc dù chưa thể giúp thị trường lấy lại được sắc xanh, sự đảo chiều mạnh mẽ của VIC, POW, TCB đã phần nào giúp giảm bớt trạng thái tiêu cực. Điểm trừ trong phiên giao dịch đến từ mức độ bán ròng mạnh của khối ngoại.

Hợp đồng tương lai: ác HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay trái ngược với trạng thái giảm của chỉ số. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/3/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.

Danh mục i-Invest: Theme_Ngành Được_ 0.8%. 11/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Được** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**, con số này của VNINDEX là -1.0%

Phân tích kỹ thuật: HND_Bật lại từ vùng hỗ trợ (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-7.47 điểm**, đóng cửa 761.78. HNX-Index **-0.54 điểm**, đóng cửa 101.38.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.70); POW (+0.37); TCB (+0.31); STB (+0.25); CTG (+0.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.92); GAS (-1.30); VNM (-0.90); VCB (-0.76); PLX (-0.63)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,314 tỷ đồng, -0.8%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 41.27 điểm. Thị trường có **147 mã tăng**, 40 mã tham chiếu và 236 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **670.19 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (111.88 tỷ), VJC (57.23 tỷ) và VHM (51.20 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **22.43 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

761.78

Giá trị: 4314.61 tỷ

-7.47 (-0.97%)

Khối ngoại (ròng): -670.19 tỷ

HNX-INDEX

101.38

Giá trị: 831.59 tỷ

-0.54 (-0.53%)

Khối ngoại (ròng): -22.43 tỷ

UPCOM-INDEX

50.49

Giá trị: 0.31 tỷ

-0.43 (-0.84%)

Khối ngoại (ròng): -19.33 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	32.7	3.84%
Giá vàng	1,586	0.64%
Tỷ giá USD/VND	23,218	0.12%
Tỷ giá EUR/VND	25,961	-0.38%
Tỷ giá JPY/VND	21,930	-1.07%
LS liên NH 1 tháng	2.8%	5.66%
LS TPCP 5 năm	1.9%	2.27%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
D2D	2.6	HPG	111.9
FRT	2.4	MSN	97.0
BMP	2.0	VHM	51.2
MWG	1.9	VRE	50.1
PHR	1.1	VIC	47.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

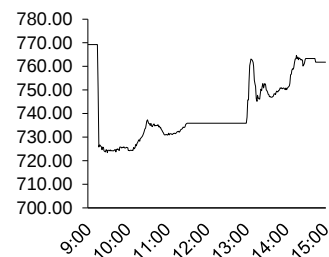
[Link](#)
[Link](#)

* **11/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**, con số này của VNINDEX là -1.0%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **4/9 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**
- **3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày hôm nay **tốt hơn VNINDEX**

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review

13/3/2020

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngành Dược	0.8%	-9.9%	-12.0%	-11.6%	-4.2%	-6.8%	23.3%	
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.4%	-16.8%	-18.4%	-8.5%	-5.9%	-11.3%	21.2%	20.1%
BDS & Khu công nghiệp	0.1%	-14.5%	-16.9%	-21.1%	-22.6%	-24.1%	12.0%	16.6%
VN FinSelect	0.0%	-16.2%	-17.3%	-9.3%	-7.4%	-12.9%	16.7%	18.6%
FTSE Việt Nam	-0.4%	-10.4%	-15.0%	-19.9%	-19.4%	-22.5%	42.0%	15.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.5%	-16.4%	-17.5%	-16.9%	-17.0%	-11.8%	28.3%	17.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.5%	-14.2%	-17.6%	-19.0%	-20.0%	-21.4%	19.3%	15.3%
Ngân hàng	-0.5%	-17.0%	-19.4%	-8.6%	-5.2%	-5.7%	49.8%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.6%	-14.1%	-16.6%	-18.5%	-17.9%	-16.9%	27.9%	16.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.7%	-12.6%	-17.1%	-22.3%	-22.6%	-25.6%	32.0%	14.3%
VN Diamond	-0.7%	-17.2%	-18.2%	-15.0%	-15.0%	-9.9%	26.6%	17.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.0%	-11.9%	-14.9%	-15.8%	-12.7%	-15.0%	18.4%	14.9%
Vật liệu Xây dựng	-1.1%	-14.4%	-17.3%	-22.3%	-20.6%	-22.1%	-17.7%	19.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.3%	-18.2%	-20.4%	-16.9%	-15.3%	-4.8%	54.6%	19.9%
Lãi suất giảm	-1.8%	-15.7%	-20.3%	-18.8%	-21.7%	-26.9%	12.9%	18.1%
Nước & Năng lượng	-1.8%	-17.4%	-21.8%	-27.7%	-29.0%	-30.4%	7.7%	15.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-2.0%	-16.5%	-17.7%	-23.7%	-23.1%	-34.0%	5.8%	21.6%
Hàng tiêu dùng	-2.1%	-15.8%	-16.8%	-22.5%	-26.9%	-25.4%	13.6%	18.3%
Dầu khí	-3.0%	-24.1%	-28.9%	-36.4%	-37.9%	-41.4%	-27.4%	23.7%
Chiến tranh thương mại	-3.2%	-16.2%	-19.0%	-23.7%	-27.3%	-26.3%	-18.7%	16.3%
Xây dựng	-4.1%	-18.9%	-19.5%	-24.6%	-32.6%	-40.5%	-26.9%	18.8%

Mục tiêu								
Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.								
Danh mục 1	0.4%	-14.2%	-17.9%	-16.8%	-14.2%	-12.6%	47.3%	17.8%
Danh mục 7	-0.4%	-14.1%	-17.3%	-19.6%	-19.4%	-13.2%	29.1%	15.9%
Danh mục 4	-0.4%	-15.7%	-18.7%	-19.2%	-17.5%	-6.7%	53.1%	19.1%
Danh mục 9	-1.5%	-18.6%	-23.2%	-21.8%	-19.7%	-23.6%	51.3%	20.1%
Danh mục 3	-1.9%	-20.4%	-21.3%	-21.0%	-22.2%	-20.0%	24.5%	20.8%

* Note
4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro								
Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro								
Danh mục 11	0.7%	-12.0%	-14.4%	-15.5%	-15.4%	-9.8%	30.1%	16.4%
Danh mục 10	0.0%	-12.6%	-15.5%	-16.8%	-16.6%	-9.5%	27.5%	15.9%
Danh mục 12	-0.6%	-16.0%	-18.9%	-19.9%	-20.2%	-11.1%	58.7%	17.3%

* Note
3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

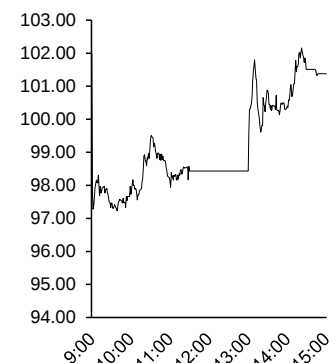
INDEX								
VNINDEX	-1.0%	-14.5%	-18.8%	-21.1%	-21.4%	-23.9%	6.9%	15.9%
VN30INDEX	-0.4%	-14.3%	-17.1%	-18.6%	-19.1%	-22.9%	9.1%	16.4%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	3.1%
Bất động sản	0.3%
Y tế	-0.2%
Viễn thông	-0.4%
Công nghệ Thông tin	-0.5%
Tài nguyên Cơ bản	-0.6%
Dịch vụ tài chính	-0.7%
Du lịch và Giải trí	-0.8%
Hóa chất	-0.8%
Ngân hàng	-1.0%
Xây dựng và Vật liệu	-1.2%
Thực phẩm và đồ uống	-1.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.1%
Bán lẻ	-2.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.0%
Bảo hiểm	-3.3%
Dầu khí	-4.0%
Ô tô và phụ tùng	-4.8%

Nguồn: FinPro

Phân tích kỹ thuật

HND_Bật lại từ vùng hỗ trợ

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở dưới giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá bán.
- Đường MA: EMA12 nằm dưới EMA26.

Nhận định: HND thời gian vừa qua đã ở trong trạng thái điều chỉnh ngắn hạn sau khi đã tạo lập đỉnh lịch sử tại mốc 18. Thanh khoản cổ phiếu tuy đang có chiều hướng giảm dần nhưng vẫn duy trì giá trị khá tốt và ổn định. Phiên hôm nay sau khi tiếp cận vùng hỗ trợ tại xung quanh giá 14, HND đã có sự bật tăng 2% tương đối tích cực. Tuy vậy, các chỉ báo kỹ thuật hầu hết vẫn chưa cho thấy dấu hiệu cho thấy có sự đảo chiều xu hướng. Theo đánh giá của chúng tôi, HND có thể sẽ đi ngang tích lũy trong khu vực 14.5-15.5 trong thời gian tới để tìm thêm động lực cho quá trình tăng giá dài hạn.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 13/3/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 13/3	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	30.75	-2.38%	-25.51%	-38.70%	-48.10%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	32.65	-1.72%	-27.88%	-41.60%	-49.71%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	88.34	-1.57%	-36.40%	-46.90%	-51.23%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1556.11	-1.27%	-7.04%	-0.60%	18.82%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.45	-2.30%	-10.94%	-11.70%	1.01%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	847.75	-1.37%	-4.88%	-5.50%	-11.23%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	501.25	-0.84%	-2.81%	-7.90%	-0.15%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.29	-0.06%	-0.49%	-5.30%	3.36%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	157.90	-1.37%	-6.18%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.62	-5.22%	-13.41%	-21.20%	-16.04%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	108.85	-2.86%	-2.25%	6.60%	-3.84%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5440.00	-1.61%	-4.12%	-5.30%	-15.05%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3494.00	-0.29%	1.30%	1.90%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1656.00	-1.13%	-3.72%	-4.50%	-12.98%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	654.50	-0.46%	-0.53%	5.60%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	64.60	-0.69%	-3.15%	-8.40%	-25.53%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Dầu Brent giảm 7.2% xuống 33.22 USD/thùng, trong khi dầu WTI giảm 4.5% xuống 31.5 USD/thùng.
- Dầu thô Brent đã giảm 7% trong phiên vừa qua sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump ra lệnh ngừng toàn bộ các hoạt động đi lại từ Châu Âu tới Mỹ trong vòng 30 ngày (ngoại trừ đối với Vương quốc Anh).
- Nhu cầu dầu mỏ toàn cầu năm 2020 dự báo sẽ giảm lần đầu tiên trong vòng hơn 1 thập kỷ. Nhà phân tích cấp cao Edward Moya của OANDA ở New York dự báo giá dầu sẽ còn giảm thêm nữa, theo đó Brent có thể sẽ giảm thêm 10%.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 3.2% xuống 1,582.35 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 4 của Mỹ đóng cửa giảm 3.2% xuống 1,5903 USD/ounce. Giá vàng giảm mạnh trong phiên do hoạt động bán tháo từ tâm lý lo sợ về đại dịch corona sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhóm kim loại quý.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 5 giảm 0.33 US cent xuống 12.26 US cent/lb do giá dầu thô sụt giảm. Đường trắng kỳ hạn tháng 5 mất 2.6 USD (-0.7%) xuống 359.2 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 5 đóng cửa mất 3.2% xuống 1.08 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 5 giảm 22 USD xuống 1,249 USD/tấn.
- Tại Châu Á, giá cà phê Việt Nam tuần này giảm do gia tăng lo ngại về dịch Covid-19, trong khi giao dịch ở Indonesia cũng diễn ra chậm chạp bởi các thương gia chờ đợi nguồn cung vụ mới.

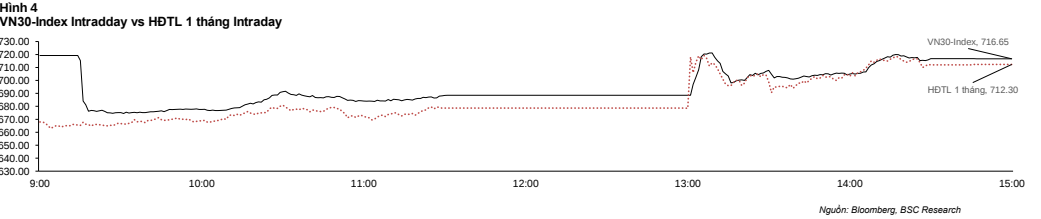
Giá cao su

- Cao su kỳ hạn tháng 8/2020 giá giảm 4.2 JPY (2.6%) xuống 160.1 JPY (1.6 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, hợp đồng kỳ hạn tháng 5 giảm 175 CNY xuống 10,460 CNY (1,499 USD)/tấn. Giá cao su trên sàn Tokyo giảm trong phiên vừa qua do gia tăng lo ngại về dịch bệnh Covid-19 khi Tổng thống Mỹ tạm dừng chuyến công du tới Châu Âu và WHO công bố Đại dịch.
- Các hãng sản xuất ô tô Trung Quốc đang đề nghị Chính phủ giúp đỡ trong bối cảnh doanh số bán ô tô giảm 79% trong tháng 2/2020 xuống mức thấp kỷ lục. Trong khi đó, số ca nhiễm virus corona tại Nhật Bản tiếp tục tăng.

Giá sắt thép

- Quặng sắt trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên kết thúc phiên tăng 0.2% lên 663 CNY (94.46 USD/tấn) sau khi có lúc giảm 2.3% trong cùng phiên; trên sàn Thượng Hải giá cũng tăng 0.5% vào buổi chiều hôm qua..
- Giá quặng sắt trên thị trường Trung Quốc tăng trong phiên vừa qua do số ca mới nhiễm virus tại nước này sụt giảm đáng kể, mặc dù số ca nhiễm ở các nước khác vẫn tăng.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đảo hạn	Số ngày*
VN30F2003	712.30	2.64%	-4.35	17.6%	228,204	3/19/2020	6
VN30F2004	710.00	1.70%	-6.65	67.0%	3,428	4/16/2020	34
VN30F2006	709.00	2.31%	-7.65	-40.2%	312	6/18/2020	97
VN30F2009	709.00	1.99%	-7.65	-9.4%	183	9/17/2020	188

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm 2.56 điểm xuống mức 716.65 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, MWG, MSN, HPG và PNJ tác động mạnh đến trạng thái giảm của VN30. Chỉ số VN30 giảm mạnh từ đầu phiên sáng và nhưng đã tăng dần để thu hẹp đà giảm xuyên suốt thời gian giao dịch. VN30 có thể sẽ vẫn chưa có được sự tích cực trong những phiên tới.

- Các HDTL đồng loạt tăng điểm trong phiên hôm nay trái ngược với trạng thái giảm của chỉ số. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2003 và VN30F2004 tăng, còn VN30F2006 và VN30F2009 giảm. Xét về vị thế mở, đa số hợp đồng đều tăng, trừ VN30F2004. Điều này báo hiệu những diễn biến khó lường của thị trường phái sinh trong thời gian tới. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 780 điểm cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đảo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE2002	HSC	6/22/2020	101	4:1	256,770	477.0%	5.0 triệu	27.82%	1,400	510	410.00%	14.20	35.92
CGMD2001	HSC	6/22/2020	101	4:1	2,122,030	771.6%	5.0 triệu	25.50%	1,000	100	100.00%	0.20	500.00
CTCB2001	HSC	6/22/2020	101	2:1	309,490	52.2%	5.0 triệu	28.01%	1,700	440	100.00%	35.90	12.26
CTCB1902	VND	6/5/2020	84	1:1	200,980	-33.0%	2.0 triệu	28.01%	5,300	950	50.79%	186.10	5.10
CFPT1906	HSC	4/8/2020	26	5:1	891,390	199.1%	5.0 triệu	25.79%	1,700	180	50.00%	2.20	81.82
CMWVG2001	HSC	6/22/2020	101	3:1	662,660	1030.0%	5.0 triệu	28.09%	1,700	170	41.67%	5.80	29.31
CHPG2002	KIS	12/16/2020	278	2:1	76,500	39.1%	3.0 triệu	29.11%	1,700	740	23.33%	69.20	10.69
CHPG2001	HSC	6/30/2020	109	2:1	195,720	1017.8%	5.0 triệu	29.11%	1,800	370	15.63%	78.90	4.69
CMSN2001	KIS	12/16/2020	278	5:1	109,660	-56.6%	2.0 triệu	29.70%	2,300	1,340	15.52%	283.60	4.72
CSTB2002	KIS	12/16/2020	278	1:1	41,960	923.4%	3.0 triệu	28.14%	1,700	1,930	14.20%	455.30	4.24
CSTB2001	KIS	6/19/2020	98	1:1	984,520	83.0%	5.0 triệu	28.14%	1,500	1,160	13.73%	261.80	4.43
CHPG1909	KIS	5/15/2020	63	2:1	220,300	-55.4%	5.0 triệu	29.11%	1,800	200	11.11%	12.10	16.53
CFPT1908	MBS	6/17/2020	96	3:1	130,630	-15.5%	2.4 triệu	25.79%	3,150	1,000	8.70%	281.90	3.55
CDPM2001	KIS	6/19/2020	98	2:1	364,700	113.2%	2.0 triệu	31.00%	1,000	260	4.00%	25.30	10.28
CVPB2001	HSC	6/22/2020	101	2:1	467,060	44.0%	5.0 triệu	30.82%	1,500	2,080	2.97%	1,607.00	1.29
CMSN1902	KIS	5/15/2020	63	5:1	395,160	300.1%	2.0 triệu	29.70%	1,640	150	0.00%	0.10	1,500.00
CHDB2002	MBS	4/10/2020	28	2:1	199,310	193.4%	1.5 triệu	27.16%	1,950	390	-2.50%	18.40	21.20
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	131	3:1	31,000	8278.4%	1.5 triệu	30.82%	2,200	5,120	-13.37%	2,136.00	2.40
CROS2001	KIS	6/19/2020	98	4:1	661,500	22.7%	10.0 triệu	52.21%	1,500	60	-14.29%	-	-
CHPG1907	SSI	4/22/2020	40	1:1	181,550	-30.7%	1.0 triệu	29.11%	4,200	540	-18.18%	219.80	2.46
CFPT2001	HSC	6/22/2020	101	5:1	111,360	-59.0%	5.0 triệu	25.79%	1,600	680	-49.63%	113.20	6.01
CVJC1902	SSI	4/22/2020	40	5:1	37,750	7.5%	1.0 triệu	21.11%	27,900	260	-58.06%	0.50	520.00
Tổng:					8,614,250		80.40 triệu	29.47%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/3/2020, chứng khoán cơ sở và chứng quyền có sự phân hóa về trạng thái. Khối lượng giao dịch tăng mạnh so với phiên hôm trước.

- Về giá, CVRE2002 và CGMD2001 tăng mạnh nhất lần lượt là 410% và 100%, ở chiều hướng ngược lại, CVNM2001 và CTCB2002 giảm mạnh nhất lần lượt là 95.6% và 62.2%. Thanh khoản thị trường tăng 52.84%. CGMD2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.61% thị trường.
- Hầu hết chứng quyền đều có giá thị trường cao hơn giá lý thuyết, trừ CVNM2001. CVPB2001 và CVPB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2003 và CVPB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
STB	10.40	4.52	1.11
TCB	18.25	1.67	0.93
VIC	92.50	0.76	0.44
POW	8.90	6.08	0.33
MBB	17.10	0.88	0.29

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	99.1	-1.78	-1.36
MWG	79.0	-2.83	-0.92
PNJ	61.6	-3.45	-0.54
HPG	19.1	-1.04	-0.45
EIB	16.4	-1.80	-0.43

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2002	37,600	32,000	24,200
CGMD2001	29,000	25,000	15,800
CTCB2001	26,400	23,000	18,250
CTCB1902	26,300	21,000	18,250
CFPT1906	65,500	57,000	48,150
CMWVG2001	132,000	115,000	79,000
CHPG2002	33,399	29,999	19,050
CHPG2001	27,600	24,000	19,050
CMSN2001	77,289	65,789	49,850
CSTB2002	13,588	11,888	10,400
CSTB2001	12,499	10,999	10,400
CHPG1909	28,280	24,680	19,050
CFPT1908	63,450	54,000	48,150
CDPM2001	16,567	14,567	11,350
CVPB2001	23,000	20,000	22,500
CMSN1902	86,089	77,889	49,850
CHDB2002	29,900	26,000	23,000
CVPB2003	24,200	22,000	22,500
CROS2001	32,468	26,468	5,300
CHPG1907	25,200	21,000	19,050
CFPT2001	64,000	56,000	48,150
CVJC1902	157,900	130,000	101,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	79.0	-2.8%	0.8	1,557	12.0	8,655	9.1	2.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	61.6	-3.4%	1.1	603	4.0	5,361	11.5	3.0	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	40.5	-4.7%	1.3	1,306	1.3	1,632	24.8	1.6	29.3%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	29.7	-0.3%	0.7	298	0.1	2,623	11.3	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	92.5	0.8%	0.9	13,603	4.7	2,268	40.8	4.1	14.6%	11.7%
VRE	Bất động sản	24.2	0.0%	1.1	2,391	4.7	1,253	19.3	2.0	32.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.0	0.4%	0.8	2,234	0.8	3,552	14.9	2.3	6.4%	16.6%
REE	Bất động sản	28.2	0.7%	1.0	380	1.6	5,287	5.3	0.8	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	11.0	0.0%	1.6	249	1.6	2,850	3.9	0.8	43.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.3	-1.8%	1.4	300	2.5	1,787	7.4	0.7	53.4%	9.9%
VCI	Chứng khoán	20.7	-7.0%	1.0	148	0.0	4,218	4.9	0.8	35.3%	18.0%
HCM	Chứng khoán	14.0	-1.1%	1.9	186	1.1	1,421	9.9	1.0	54.8%	11.7%
FPT	Công nghệ	48.2	0.1%	0.8	1,420	6.0	4,631	10.4	2.3	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	44.2	0.5%	0.4	478	0.0	4,812	9.2	2.3	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	57.0	-4.0%	1.5	4,743	2.4	6,096	9.4	2.2	3.6%	25.5%
PLX	Dầu khí	36.2	-5.0%	1.5	1,872	1.3	3,495	10.3	1.9	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.0	1.9%	1.5	229	2.6	1,529	7.2	0.4	19.1%	6.2%
BSR	Dầu khí	6.8	0.0%	0.8	917	0.6	1,163	5.8	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	86.0	1.3%	0.4	489	0.2	4,668	18.4	3.3	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.4	1.8%	0.6	193	0.5	774	14.7	0.6	18.8%	4.7%
DCM	Hóa chất	5.3	-3.1%	0.6	122	0.2	600	8.8	0.5	2.1%	5.2%
VCB	Ngân hàng	71.0	-1.0%	1.2	11,449	5.5	5,004	14.2	3.1	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	35.0	-4.6%	1.6	6,120	3.5	2,398	14.6	1.9	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.0	0.7%	1.4	3,553	9.7	2,541	8.6	1.1	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	22.5	-0.2%	1.2	2,385	5.1	3,370	6.7	1.3	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	17.1	0.9%	1.1	1,793	8.3	3,476	4.9	1.0	23.6%	22.1%
ACB	Ngân hàng	22.0	-0.5%	1.2	1,584	8.3	3,686	6.0	1.3	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	37.0	0.3%	0.9	132	0.5	5,165	7.2	1.2	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	27.0	-3.6%	0.3	115	0.0	4,167	6.5	1.0	18.6%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.6	-2.0%	1.0	628	0.0	732	19.9	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	19.1	-1.0%	1.1	2,287	10.3	2,581	7.4	1.1	38.3%	17.0%
HSG	Thép	5.9	-3.3%	1.8	109	1.6	1,161	5.1	0.4	17.9%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	99.1	-1.8%	0.8	7,503	9.2	5,478	18.1	6.3	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	144.0	-0.4%	0.8	4,015	0.3	7,477	19.3	4.9	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.9	-0.2%	1.2	2,534	7.9	4,772	10.4	1.4	38.3%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	15.9	-6.7%	0.3	406	2.0	508	31.3	1.3	6.9%	4.4%
ACV	Vận tải	51.0	-8.3%	0.8	4,827	0.8	2,630	19.4	3.6	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	101.0	0.0%	1.1	2,300	2.1	7,889	12.8	3.5	19.3%	28.7%
HVN	Vận tải	20.8	-1.0%	1.7	1,283	0.8	1,640	12.7	1.6	9.8%	12.8%
GMD	Vận tải	15.8	-4.2%	0.9	204	0.6	1,595	9.9	0.8	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.2	-5.3%	0.6	113	0.6	2,421	3.8	0.6	30.5%	16.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	53.9	-0.2%	1.1	375	2.1	8,824	6.1	2.5	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	16.3	-3.8%	0.6	318	0.4	1,454	11.2	1.1	13.1%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.5	0.0%	0.8	207	0.0	1,953	6.4	0.9	6.5%	14.2%
CTD	Xây dựng	54.7	-2.8%	1.0	181	0.6	8,858	6.2	0.5	46.7%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.1	0.4%	0.9	482	0.1	1,567	16.0	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	21.0	2.2%	0.4	226	0.8	2,769	7.6	0.9	49.5%	12.9%
POW	Điện	8.9	6.1%	0.6	906	1.6	1,064	8.4	0.8	12.7%	9.7%
NT2	Điện	17.5	-3.0%	0.5	219	0.8	2,560	6.8	1.2	18.4%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	92.50	0.76	0.69	1.23MLN
POW	8.90	6.08	0.35	4.57MLN
TCB	18.25	1.67	0.31	4.33MLN
STB	10.40	4.52	0.25	16.34MLN
CTG	21.95	0.69	0.16	10.54MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	11.00	1.85	0.05	5.76MLN
L14	40.70	10.00	0.05	250000.00
NVB	8.70	1.16	0.04	3.61MLN
ART	2.70	8.00	0.02	4.18MLN
TNG	13.60	3.03	0.02	745900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	0.00	-1.99	2.33MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-1.34	975880.00	607060.00
VNM	0.00	-0.91	2.16MLN	373600.00
VCB	0.00	-0.76	1.86MLN	192700.00
PLX	0.00	-0.72	845640.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	11.00	-1.79	-0.27	28.88MLN
ACB	22.00	-0.45	-0.16	9.02MLN
AMV	13.60	-9.93	-0.05	1.51MLN
NET	34.50	-9.21	-0.05	800.00
IDJ	12.50	-9.42	-0.04	741500.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PIT	5.67	6.98	0.00	1000.00
STG	16.90	6.96	0.03	3750.00
PLP	9.39	6.95	0.00	11390.00
POM	4.78	6.94	0.03	9890.00
QCG	8.34	6.92	0.04	255330.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.30	50.0	0.00	1.87MLN
NHP	0.50	25.0	0.00	23200.00
VIG	0.70	16.7	0.00	74900.00
L14	40.70	10.0	0.05	250000.00
SDN	31.90	10.0	0.00	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VID	3.72	-7.00	0.00	1350.00
LGL	4.92	-6.99	-0.01	94950.00
HRC	38.60	-6.99	-0.03	40.00
CRE	19.35	-6.97	-0.03	109730.00
VCI	20.70	-6.97	-0.07	14480.00

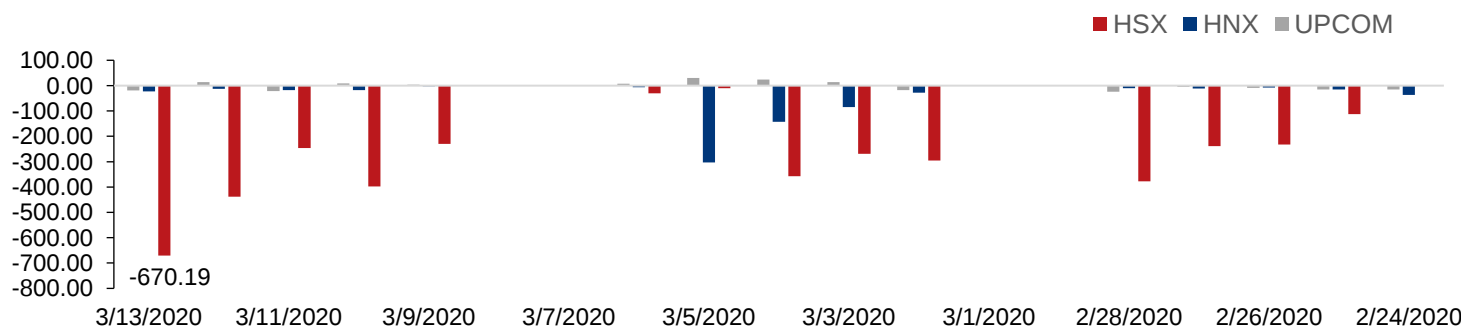
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	-16.67	-0.01	781400.00
BII	0.60	-14.29	0.00	432100.00
KVC	0.80	-11.11	-0.01	1.24MLN
SPI	0.80	-11.11	0.00	91400.00
MCO	1.80	-10.00	0.00	5700.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
3	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
7	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
8	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
13	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
15	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	99.1	5,478	18.1	6.3	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	10.1	2,736	3.7	0.6	Click
3	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	79.0	8,655	9.1	2.9	Click
4	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	23.5	6,362	3.7	0.9	Click
5	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	48.2	4,631	10.4	2.3	Click
6	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	17.9	2,109	8.5	1.3	Click
7	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	22.0	3,897	5.6	1.0	Click
8	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	86.0	4,668	18.4	3.3	Click
9	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.2	4,313	5.6	1.1	Click
10	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	61.6	5,361	11.5	3.0	Click
11	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.2	2,421	3.8	0.6	Click
12	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	142.9	14,782	9.7	3.9	Click
13	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.3	0	26.6	0.3	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	79.0	8,655	9.1	2.9	Click
15	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	22.0	3,686	6.0	1.3	Click
16	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	10.1	2,736	3.7	0.6	Click
17	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	18.3	2,881	6.3	1.0	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	71.0	5,004	14.2	3.1	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	20.5	7,028	2.9	1.0	Click
20	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	48.2	4,631	10.4	2.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2020Q1	3/3/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 20400 ; Giá tại Publish 17800 BSC dự báo KQKD của STK với DTT và LNST đạt lần lượt 2,568.6 tỷ đồng(+15.2% YoY) và 248.4 tỷ đồng (+15.8% YoY) tương đương EPS fw là 3,513 VND/CP, PE fw là 5.1x và PB fw là 1.0x. Chúng tôi giả định (1) DTT sợi tái chế chiếm 50% trong cơ cấu doanh thu thuần (2) Kỳ vọng giá bán sợi bình quân phục hồi 2-5% do các nhà máy sợi của Trung Quốc phải đóng cửa vì dịch SAR-Covid-19 (3) BLNG cải thiện lên 16% nhờ tỉ trọng sợi tái chế tăng và chi phí nguyên vật liệu giảm.
VHC 2020Q1	21/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 35000 ; Giá tại Publish 34450 Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. Các doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu vào Mỹ trong trường hợp thuế POR 15 chính thức là 0% (POR15 sơ bộ đang là 0%).
DRC 2020Q1	20/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.
Express AAA 2020Q1	18/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 12350 BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của AAA đạt 9,856 tỷ (+6.7% YoY) với giả định sản lượng bao bì tiêu thụ 100,077 tấn (+5.1% YoY), tỷ lệ khai thác KCN đạt 100%. Biên LNG tăng từ 11.3% lên 11.7%, LNST dành cho cổ đông công ty mẹ đạt 511 tỷ (+9.1% YoY), tương đương EPS = 2,686 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%), P/E fw = 4.6 lần (nếu loại trừ LN ước tính từ BDS thì P/E với mảng nhựa là 7.9 lần).
Express GTN 2020Q1	15/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu; Giá tại Publish DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Đồng thời, có dịch thì người dân Trung Quốc dự kiến tăng tiêu thụ các sản phẩm dinh dưỡng, tăng sức đề kháng. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài. Đối với việc đảo lộn về sản xuất, VNM chỉ có tồn kho 1 tháng nên có thể thay đổi sản lượng sản xuất nhanh.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn